

Đơn vị: Trường Đại học Kinh tế

Chương: 022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH  
09 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Đại học Kinh tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 09 tháng năm 2026 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Số TT    | Nội dung                                                                                                                                       | Dự toán năm    | Ước thực hiện 09 tháng đầu năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 09 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                                                                                                                              | 3              | 4                                   | 5                                   | 6                                                                      |
|          | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                          | <b>5.329,1</b> | <b>1.906,52</b>                     | <b>35,8%</b>                        | <b>111,2%</b>                                                          |
| <b>I</b> | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                                                                              | <b>5.329,1</b> | <b>1.906,52</b>                     | <b>35,8%</b>                        | <b>111,2%</b>                                                          |
| <b>1</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                                                                                         | <b>5.329,1</b> | <b>1.906,52</b>                     | <b>35,8%</b>                        | <b>111,2%</b>                                                          |
| 1.1      | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                        | 5.329,1        | 1.906,52                            | 35,8%                               | 111,2%                                                                 |
| 1.1.1    | Chi chế độ chính sách cho người học (Chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg; học bổng và TCXH theo QĐ | 3.353,3        | 1.543,30                            | 46%                                 | 98,3%                                                                  |



|       |                                                                                                                                                                                                                                             |         |       |       |        |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|-------|--------|
|       | số 194/2001/QĐ-TTg; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo NĐ số 57/2017/NĐ-CP; hỗ trợ sinh viên khuyết tật theo TT liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC) |         |       |       |        |
| 1.1.2 | Kinh phí đào tạo Lưu học sinh Lào diện Hiệp định                                                                                                                                                                                            | 1.579,2 | 302,4 | 19,1% | 414,8% |
| 1.1.3 | Kinh phí Đề án 89                                                                                                                                                                                                                           | 331,6   | 60.82 | 18,3% | 84,8%  |
| 1.1.4 | Kinh phí đào tạo diện Hiệp định vào Việt Nam                                                                                                                                                                                                | 65,0    | 0     | 0%    | 0%     |

Ngày 05 tháng 10 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GS.TS. Lê Văn Huy

